

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2021/HS-ST

Ngày: 11-11-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Tám;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Nguyễn Đức Thanh;

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Liên đoàn lao động huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 143/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Quang S, sinh năm 1983; giới tính: Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 233/56 Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh B; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang C (chết) và bà Bùi Thị D; anh chị em ruột gồm có 02 người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Tại Bản án số 160/2018/HSST ngày 08/6/2018 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Quang S 02 năm 03 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2020.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 122/2009/HSST ngày 21/7/2009 Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Quang S 03 năm tù về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2011.

- Tại Bản án số 204/2012/HSST ngày 05/9/2012 Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Quang S 30 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/8/2014.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 03/4/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Đỗ Thị Lan T, sinh năm 1984; giới tính: Nữ; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 13, Khu phố 3, phường M, Thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Công H (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc T; anh chị em ruột gồm có 03 người kể cả bị cáo; bị cáo có chồng là ông Phạm Văn C và có 01 người con sinh năm 2008.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 94/2017/HSST ngày 18/4/2017 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt Đỗ Thị Lan T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 03/4/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Trần Quang S và bị cáo Đỗ Thị Lan T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 03/4/2021, Trần Quang S gặp Đỗ Thị Lan T tại Trung tâm Y tế thành phố T, tỉnh Bình Dương. S rủ T mỗi người hùn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để mua chất ma túy về sử dụng thì T đồng ý. Khoảng 08 giờ 20 phút cùng ngày, S điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Air Blade biển số 61G1-462.14 chở T đến khu vực C, thuộc huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, S điện thoại cho 01 người thanh niên tên T1 (chưa rõ lai lịch) có số thuê bao 0974204583 hỏi mua 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) ma túy, T1 đồng ý. Sau khi điện thoại xong, S đưa 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho T để hùn mua ma túy. Khoảng 10 phút sau T1 đến, T đưa cho T1 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), T1 đưa cho T 03 viên hình con nhộng (01 đầu màu đỏ, 01 đầu màu trắng) chứa ma túy. T cất giấu 03 viên ma túy vào trong túi quần bên trái phía sau đang mặc rồi cùng S đi về. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, S chở T về đến tuyến đường bờ bao sông Sài Gòn thuộc ấp 5, xã B, huyện

C thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S và T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Kết quả xét nghiệm ma túy đối với S và T có kết quả dương tính với chất ma túy tổng hợp.

Kết luận giám định số: 2221/KLGD-MT ngày 09/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bột màu trắng trong 03 viên con nhộng một đầu màu đỏ, một đầu màu trắng được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Đỗ Thị Lan T và hình dấu Công an xã B, huyện C (ký hiệu mẫu m) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,3676g, loại Heroin.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, Trần Quang S và Đỗ Thị Lan T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trần Quang S có tiền án về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

*Vật chứng vụ án:*

- Thu giữ của Đỗ Thị Lan T:

03 viên hình con nhộng (01 đầu màu đỏ, 01 đầu màu trắng) bên trong có chứa chất bột màu trắng, sau giám định được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 22212021 có chữ ký của Giám định viên và Điều tra viên.

01 điện thoại di động hiệu Vivo, số imei 1: 866580037645011, số imei 2: 866580037645003, đây là điện thoại của Thanh không dùng vào việc mua ma túy.

- Thu giữ của Trần Quang S:

01 điện thoại di động hiệu Realme, số imei 1: 865071049866358, số imei 2: 865071049866341, đây là điện thoại của Sang sử dụng liên lạc mua ma túy.

01 xe gắn máy hiệu Honda Air Blade biển số 61G1-462.14, số máy: JF46E4243, số khung RLHJF4617EY470254, Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số: 146/CT-VKS ngày 21/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Trần Quang S và bị cáo Đỗ Thị Lan T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Đối với bị cáo S: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo S mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Đối với bị cáo T: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 viên hình con nhộng (01 đầu màu đỏ, 01 đầu màu trắng) bên trong có chứa chất bột màu trắng, sau giám định được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 2221/2021 có chữ ký của Giám định viên và Điều tra viên; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số imei 1: 866580037645011, số imei 2: 866580037645003 do bị cáo T không yêu cầu nhận lại và 01 điện thoại di động hiệu Realme, số imei 1: 865071049866358, số imei 2: 865071049866341.

- Đối với đối tượng T1 bán ma túy cho bị cáo S và bị cáo T, cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau, thấy phù hợp nên không xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang S và bị cáo Đỗ Thị Lan T thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng, không oan sai gì cho hai bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo S: Bị cáo ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, bị cáo bị bệnh nặng nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo thật sự ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Quang S và bị cáo Đỗ Thị Lan T tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Qua đó có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 03/4/2021, tại tuyến đường bờ bao sông Sài Gòn thuộc ấp 5, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Quang S và bị cáo Đỗ Thị Lan T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3676g loại Heroin nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang.

Bằng hành vi trên, bị cáo S và bị cáo T đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý dược liệu, dược phẩm độc hại, làm mất trật tự trị an cho xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân, do đó cần xử lý các bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Đối với bị cáo S: Tại Bản án hình sự số 160/2018/HSST ngày 08/6/2018 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo S 02 năm 03 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Bản án số 122/2009/HSST ngày 21/7/2009) và bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Bản án số 204/2012/HSST ngày 05/9/2012), đây là tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

Đối với bị cáo T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên vào ngày 18/4/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” nên đây cũng là tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét lượng mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

*- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo S và bị cáo T đều thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo S và bị cáo T.

[4] Đối với đối tượng T1 bán ma túy cho bị cáo S và bị cáo T, cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về vật chứng vụ án:

01 gói niêm phong mang số vụ 22212021 có chữ ký của Giám định viên và Điều tra viên, là chất ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động hiệu Vivo, số imei 1: 866580037645011, số imei 2: 866580037645003, đây là điện thoại của bị cáo T, lẽ ra trả lại cho bị cáo T do không liên quan đến việc phạm tội nhưng tại phiên tòa, bị cáo T không yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước điện thoại di động trên.

01 điện thoại di động hiệu Realme, số imei 1: 865071049866358, số imei 2: 865071049866341, đây là điện thoại của bị cáo Sang sử dụng liên lạc mua ma túy, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

01 xe gắn máy hiệu Honda Air Blade biển số 61G1-462.14, số máy: JF46E4243, số khung RLHJF4617EY470254. Qua xác minh xe do bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên chủ sở hữu. Bà T cho bị cáo T mượn xe, không biết bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe cho bà T, thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí:

Xét cần buộc bị cáo S và bị cáo T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Quang S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Quang 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2021.

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Lan T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Lan T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2021.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mang số vụ 2221/2021 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Điều tra viên.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme, số imei 1: 865071049866358, số imei 2: 865071049866341 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số imei 1: 866580037645011, số imei 2: 866580037645003.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 117/PNK ngày 31/5/2021).

- Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Trần Quang S phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Đỗ Thị Lan T phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an huyện Củ Chi;
- Phòng PC53 Công an TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thanh Hương**